



Tục ăn trầu cau - nét văn hóa lâu đời của người Việt

TRẦN THỊ HUỆ

An trầu cau là một tập tục có từ lâu đời và phổ biến ở rất nhiều quốc gia trên thế giới. Qua nhiều sách vở và các tài liệu khảo cổ cho biết trầu cau là hai loại cây đã xuất hiện từ rất lâu ở các vùng Trung Á, Đông Nam Á và ở một số quần đảo trên Thái Bình Dương, ví dụ trong di chỉ khảo cổ thuộc văn hóa Hòa Bình thì hạt cau đã được tìm thấy trên dưới một

vạn năm (Tài liệu Trần Quốc Vương, Trong Cõi, mục Triết lý trầu cau, trang 139). Tại những nơi này, đã có nhiều dân tộc có tục ăn trầu cau như các dân tộc thiểu số ở miền Nam nước Trung Hoa (tính từ lưu vực sông Dương Tử trở xuống) ngày nay chính là người Trung Hoa miền Nam; các dân tộc Thái Lan, My-an-ma; các dân tộc Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia cùng các

dân tộc trên quần đảo Nam Dương, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin và ở Ấn Độ cũng có nhiều nơi dân chúng có tục ăn trầu.

Có lẽ thời đó, do kinh nghiệm mà có, con người đã biết sử dụng vôi, trầu, cau cũng như một số loại lá, rễ, quả của nhiều thứ cây khác tìm được để bảo vệ sức khỏe, phòng ngừa hay trị bệnh tật. Quả thực, ăn trầu cau giúp cho cơ thể ấm lên, chống lạnh rất nhanh, chống sơn lam thù khí, không những thế ăn trầu cau lại sạch miệng, răng lợi và xương cốt được bồi dưỡng, vững mạnh.

Riêng ở Việt Nam, tục ăn trầu cau tất nhiên đã có từ rất sớm, ngay tục dùng trầu cau

làm sinh lễ cưới hỏi thay muối (người xưa quan niệm muối là thứ quý nhất) có thể cũng có đã lâu, tuy nhiên chưa biết bắt đầu từ thời điểm nào. Phải đợi đến cuối thế kỷ XV, cuốn sách *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp ra đời, nó mới được ghi chép lại thành một truyện tích rõ ràng, có một nguồn gốc mang nhiều ý nghĩa thâm thúy, đó là truyện “Sự tích trầu cau”. Trong truyện có ghi “*Một hôm, vua Hùng thứ tư nhân dịp tuần du qua đây, thấy có miếu thờ, lại được dân sờ tại kể cho nghe câu chuyện thương tâm kia thì vô cùng cảm động. Ngài bảo lấy trầu cau ăn thử mới khám phá ra một mùi vị thơm cay, nồng ấm, và khi nhỏ nước cốt trầu xuống tảng đá vôi lại thấy hiện ra sắc đỏ tươi như máu, nhà vua cho là quý bèn truyền lấy giống về trồng, xa gần bắt chước làm theo. Ngài còn xuống lệnh cho thần dân từ nay sẽ nhất thiết dùng trầu cau trong các dịp cưới hỏi, và trong các buổi hội họp lớn, nhỏ*”. Tục ăn trầu cau ở nước ta có từ thời đó - thời Hùng Vương.

Trần Thế Pháp khi viết lại “Sự tích trầu cau” nói riêng, dàn dựng lại một huyền thoại dân gian trong *Lĩnh Nam chích quái* nói chung, tất nhiên đã có hậu ý đề cao những giá trị cũ, xưa kia của

dân tộc, với mục đích phổ biến để giáo dục con em theo tinh thần 24 điều dụ của vua Lê Thánh Tông [Trong sách *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim có ghi 24 điều huấn dụ của vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497), sức cho dân xã để giảng dạy con em giữ lấy thói tốt về đạo nghĩa vợ chồng, anh em v.v...]. Và có lẽ bắt đầu từ đó (cuối thế kỷ 15), các truyện cổ tích, thần thoại nói chung và truyện Trầu Cau nói riêng mới được truyền bá rộng rãi trong toàn đất nước. Riêng trong *Sự tích trầu cau*, ta thấy tác giả muốn giải thích cho mọi người hiểu rằng, dân tộc ta đã có một đời sống văn hóa khá cao ngay từ thuở xa xưa, từ thời Hùng Vương kia (theo *Đại Việt sử lược*, vào khoảng thế kỷ thứ VII trước Tây lịch) [Sách *Đại Việt sử lược* do Trần Hy Tộ hiệu đính có chép: “Đến đời Trang Vương nhà Chu (696 - 682 trước TL) ở bộ Gia Ninh có người lạ, dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, hiệu nước là Văn Lang... Truyền được 18 đời đều gọi là Hùng Vương”]. Ngay từ thuở đó, xã hội Việt Nam đã có truyền thống lấy gia đình làm gốc, anh em biết thương yêu, quý trọng nhau,

trên kính dưới nhường; vợ chồng lấy nhau vì tình vì nghĩa và người phụ nữ đã biết trọn niềm tin chung thủy son sắc với chồng.

Và cũng vì Sự tích trầu cau có ý nghĩa sâu sắc như thế nên tục ăn trầu của dân ta đã được thăng hoa, trở thành một mỹ tục mang tính chất đặc thù của một nền văn minh cổ Đông Nam Á. Mỹ tục lâu đời này đã gắn liền với những sinh hoạt văn hóa từ đời sống vật chất hàng ngày đến đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam.

Trầu cau - hình ảnh quê hương đất nước

Xưa kia, trầu và cau là hai loại cây được trồng ở khắp nơi trên quê hương đất nước để lấy lá, lấy trái dùng hàng ngày. Từ tầng lớp vua chúa, quan lại cho tới thứ dân bình thường; từ đàn ông cho tới đàn bà, ai ai cũng thích nhai trầu thậm chí nhiều người còn nghiện, nhất là các bà già bình dân, nhai trầu bồm bồm suốt ngày còn các cô gái nhai trầu để làm duyên, làm đẹp (vì nhai trầu, làm nóng cơ thể, má đỏ, môi đỏ). Cây cau thẳng đứng chẳng những được dân ta trồng ở sân trước nhà (chuối sau cau trước), mà ngay ở Hoàng thành, vào đời vua Minh Mạng (1820 - 1840),

cây cau còn được chọn khắc trên đỉnh đồng, có tên Anh Đinh - đỉnh thứ tư trong cửu đỉnh và được đặt trước sân Thế Miếu. Hình ảnh cây cau và giàn trầu xanh rờn là những hình ảnh thân quen đã in sâu vào ký ức nhiều người. Chúng đã trở thành những hình ảnh biểu tượng cho quê hương đất nước trong nỗi nhớ, niềm thương của những người con xa xứ. Trong bài hát “Về quê ngoại” của tác giả Hàn Châu có viết: “*Hôm nay em về vun lại hàng cau/Tháng năm dãi dầu cần cõng già nua/Cho em sống lại tuổi thơ ban đầu đã mất từ lâu*”.

Hoa cau thì mọc thành một chùm lớn, phân nhánh, có mo bọc bên ngoài. Khi hoa kết trái thì buồng cau nở lớn, mo cau khô, rụng xuống “*Đầu rồng đuôi phượng te te/Mùa đông áp trứng, mùa hè nở con*”.

Trầu cau không chỉ được trồng ở nhà dùng mà nhiều khi còn là nguồn sống của gia đình, lập nên cửa nên nhà “*Anh về cuộc đất trồng cau/Cho em vun kẻ dây trầu một bên/Chùng nào trầu nọ bên lên/Cau kia sai trái lập nên cửa nhà*”.

Ở nước ta, từ Bắc vào Nam đều có nhiều vùng nổi tiếng trồng trầu cau, sản xuất được nhiều loại trầu cau ngon để

bán thậm chí xuất ra nước ngoài. Ở miền Bắc diện tích trồng cau chừng 2.500 héc-ta, chủ yếu là ở các vùng hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định và Thái Bình. Ở miền Trung, diện tích trồng cau khoảng 1.400 héc-ta, nổi tiếng là cau chợ Dinh, cau Nam Phổ (Chợ Dinh và Nam Phổ là hai đại xã nằm đối diện nhau ở hai bên sông Hương, thuộc ngoại biên thành phố Huế). Trong Nam, cau được trồng nhiều ở Mỹ Tho, Bến Tre, Cần Thơ nhưng nổi tiếng hơn cả là trầu cau Bà Điểm - Hóc Môn (miệt vườn ngoại thành Sài Gòn).

Tác dụng của trầu cau

Trầu cau có rất nhiều công dụng, đặc biệt là cau. Thân cau được dùng làm cột, làm cầu (cầu khỉ) hay đóng thành bè, ván trên sông. Mo cau được dùng để lợp nhà, làm quạt, làm gàu tát nước, làm vật dụng để gói đồ, bọc thức ăn và cũng là món đồ chơi ưa thích của trẻ con (trò chơi kéo mo cau). Tà cau thì làm chổi quét sân... Trong y học, trầu cau là loại thuốc Nam dùng để chữa bệnh. Lá trầu giã nhỏ, vắt lấy nước chữa bệnh viêm mù chân răng hoặc hòa với nước rửa các vết lở loét, mụn nhọt hay các vết chàm của trẻ sơ sinh. Lá trầu giã nhỏ để

nguyên đắp lên ngực chữa ho hen, đắp lên vú cho sữa ngừng chảy. Với cau thì vỏ cau chữa bệnh đầy hơi, trướng bụng, bí tiểu, ốm nghén, nôn mửa. Hạt cau khô chữa bệnh tiêu hóa, viêm ruột, sốt rét, sán lải và chốc đầu ở trẻ em.

Tuy nhiên, tác dụng chính của trầu cau vẫn là để ăn. Ăn trầu cau vừa chắc răng, bổ xương lại vừa ngon miệng, say sưa vui chuyện. Một miếng trầu gồm có một lá trầu xanh, trong được tằm ít vôi, cộng với một miếng cau, cộng thêm một lát vỏ mỏng (thường lấy từ rễ cây chay). Khi chúng ta nhai trầu, cùng cảm nhận được vị ngọt ngọt của cau, cay cay, thơm thơm của lá trầu, vị chát chát của vỏ và hạt cau đồng thời cơ thể đang nóng nóng, thêm dậy hồng đôi má, thêm long lanh cặp mắt. Ngoài ra, ăn trầu còn để làm đẹp. Song, làm đẹp cũng phải biết cách và phải có nghệ thuật. Từ cổ chí kim, người phụ nữ không chỉ ăn trầu vì “có trầu chẳng để môi thâm” mà còn khéo léo biết cách ăn hai, ba miếng liền nhau, tạo cho được một đôi môi đỏ có đường viền như sợi chỉ, trông thật đẹp mắt và quyến rũ “môi ăn trầu cắn chì”. Giống như phụ nữ ngày nay, sau khi đã tô son trên môi

còn dùng cây bút vẽ thêm một đường son quanh vành môi cho đôi môi thêm nổi, thêm gợi cảm. Cuối cùng, trầu cau được sử dụng làm phương tiện giao tiếp xã hội, biểu đạt tình cảm và được dùng làm lễ vật trong những dịp cưới xin, tang ma, cúng tế gia tiên và thần linh.

Trầu cau với tục mời trầu

Trong tục mời trầu cho chúng ta thấy, trầu cau là phương tiện không thể thiếu trong những nghi thức giao tế hàng ngày ngoài xã hội. Bởi lẽ, “Miếng trầu là đầu câu chuyện”, là “Đầu trò tiếp khách” nên chỉ vừa gặp nhau, sau mấy câu chào hỏi, người ta liền mở trầu mời nhau ăn rồi mới nói gì thì nói, bàn gì thì bàn “*Có trầu thì giờ trầu ra/Trước là đãi bạn, sau ta với mình*”.

Trong tình yêu và hôn nhân, tục mời trầu được người dân Việt khai thác triệt để. Hình ảnh, màu sắc, hương vị của trầu, cau, vôi trong lễ cưới luôn luôn là hình ảnh gợi ý cho thanh niên nam nữ liên tưởng tới chuyện tình yêu, duyên phận lứa đôi. Vì vậy, việc mời trầu khác phái nhiều khi phải hiểu là một cách tỏ tình gián tiếp đồng thời cũng có ý ước thử xem tình cảm của đối phương với mình ra sao, tất nhiên thông thường

người con trai chủ động mời trầu trước còn người con gái chỉ tỏ ý ngần ngại, vì muốn tìm hiểu thêm tình ý của đối phương. Một khi thấy ý hợp, lòng ưa rồi người con gái mới nhận trầu của người con trai. Hành động này hàm ý đã chấp thuận, thật là một cách bày tỏ tình cảm vừa kín đáo, tế nhị, vừa duyên dáng, vừa dễ thương rất riêng rất Việt Nam. Từ ngày nhận ăn miếng trầu kết nghĩa tương giao, gấn bó trở về, tình yêu của người con gái lớn dậy, làm thăng hoa cuộc sống. Nàng trở nên xinh tươi, đằm thắm “*Từ ngày ăn miếng trầu anh/Cho nên má đỏ, tóc xanh đến giờ*”.

Trầu cau trong phong tục cưới hỏi

Người dân Việt Nam xưa, chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp, gần gũi với thiên nhiên và cũng chính nhờ điều kiện sinh hoạt tập thể về nông nghiệp, hội hè, hát xướng... đã giúp cho tình yêu của nam thanh nữ tú dễ dàng nảy nở, cởi mở, hồn nhiên. Rõ ràng, đối với các nam nữ thanh niên ngày xưa thì miếng trầu là nguyên tố để bắt đầu một tình yêu, một cuộc hôn nhân “*Miếng trầu nên duyên nhà người*”. Trong phong tục cưới hỏi, trầu cau thật sự quan trọng, không thể thiếu. Có hẳn

một lễ riêng gọi là “Lễ hỏi/Lễ bỏ trầu cau”. Lễ này từ nhà trai mang đến nhà gái, gồm có: tiền, vàng, bánh kẹo, rượu,... và tất nhiên không thể thiếu trầu cau. Lễ này ghi nhận sự thỏa thuận, thống nhất giữa hai bên nhà trai - nhà gái kết thành thông gia (sui gia). Ở lễ cưới, quả (mâm) trầu cau phải được phủ khăn đỏ thể hiện sự may mắn và luôn đặt ở vị trí đầu tiên trong các vật phẩm làm lễ. Như vậy, trầu cau là lễ vật đặc biệt quan trọng gắn kết duyên phận của hai con người “*Nên vợ, nên chồng*”, là đồng nghĩa với việc cầu hôn, là giao ước giữa hai họ. Đó là một nghi thức độc đáo của người Việt.

Ngoài những tục lệ liên quan tới việc cưới hỏi đã nói ở trên còn một tục lệ rất đặc biệt và cũng rất quan trọng là tục nộp cheo (tục này không có ở Trung Quốc) “*Nuôi lợn thì phải vót bèo/Cưới vợ thì phải nộp cheo cho làng*”. Khi người con trai muốn cưới vợ thì phải nộp một khoản tiền hay vật liệu xây dựng cho làng xã bên người con gái (gọi là cheo ngoại) để chứng thị lễ hôn nhân rồi sau đó xin tờ cheo ở Lý trưởng trong làng (giống tờ hôn thú ngày nay). Để cảm ơn những hương chức đã xét và chấp nhận cuộc hôn

nhân của đôi nam nữ là phải phép, người con trai ngoài tiền nộp cheo còn phải dẫn thêm xôi thịt, trầu cau, trà rượu để khao đãi họ. Nếu chưa nộp cheo, chưa khao đãi thì dù đám cưới đã được diễn ra trọng đại giữa hai họ thì làng cũng không cần biết và coi như đôi nam nữ đó chưa thành vợ, thành chồng. Trai gái cùng làng lấy nhau thì tiền cheo có giảm bớt (cheo nội). Lệ nộp cheo này có xuất xứ từ tục “lan nhai”, tức tục bợn trẻ trong làng nhà gái giăng dây tơ hồng (lụa đỏ) ở cổng hay trên đường làng để đón mừng hôn lễ, có nơi còn đốt pháo. Để cảm ơn, nhà trai mời trầu và thường tiền. Dây được coi ra, đoàn đón dâu tiếp tục lên đường.

Trầu cau với phong tục nhuộm răng đen

Theo các truyện cổ tích Việt Nam thì từ hàng nghìn năm trước người Việt đã có tục nhuộm răng đen. Theo truyền thuyết Việt Nam, tục này đi cùng với tục xăm mình và ăn trầu. Các cô gái thôn nữ má hồng răng đen thướt nào đã trở thành hình ảnh làm si mê biết bao trái tim các chàng trai như “*Mình về mình nhớ ta chẳng/Ta về ta nhớ hàm răng mình cười/Năm quan mua lấy miệng cười/Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen*”.

Trầu cau với nghệ thuật tèm trầu bồ cau

Như chúng ta đã biết, trầu cau không chỉ được tèm để ăn hay đãi khách hàng ngày mà còn được dùng làm tặng phẩm hay làm lễ vật trong các dịp cúng Phật, tế lễ thần linh, cúng gia tiên hay trong tang lễ, hôn lễ... Lễ Phật và tế thần linh thì trầu phải để nguyên lá, cau phải để nguyên quả. Riêng lễ bàn thờ gia tiên thì bao giờ trầu cau cũng được tèm sẵn để trong cối hay trên đĩa. Đặc biệt trong lễ cưới, từ miếng trầu đi xin dâu, trầu đặt trên bàn thờ gia tiên hay bàn thờ lễ tơ hồng, hay ngay cả trong các cối trầu để thết đãi bà con họ hàng đều nhất nhất được bê cẩn thận. Cau phải bỏ làm sao, trầu phải tèm thế nào cho có nghệ thuật. Nhìn miếng trầu, đã biết được con người “tèm” nó. Chắc hẳn mỗi chúng ta còn nhớ, chàng hoàng tử trong truyện cổ tích “Tấm Cám” nhận ra nàng Tấm là do miếng trầu, là nhờ miếng trầu, ở cái dáng đẹp hay xấu của miếng trầu tèm, ở nếp gấp lá, cái trầu ở cái cánh trầu. Ăn miếng trầu, càng biết được “tính nết” người tèm nó. Giản dị hay cầu kỳ. Đậm đà hay nhạt nhẽo, do chất lượng và số lượng vôi bôi trên lá trầu. Và có khi miếng trầu “ở

giữa đậm quế hai đầu thom cay”... Trầu cau đã góp phần làm cho kho tàng văn hóa dân gian thêm phong phú. Tóm lại, trầu cau đã đi vào đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Việt ngàn năm trước và trở thành tính biểu tượng của tập quán dân tộc, của truyền thống văn hóa, của tình nghĩa thủy chung son sắt từ bao đời nay của dân tộc ta.

Trầu cau trong ứng xử thường ngày

Tục lệ mời trầu cau trong lễ ăn hỏi hay trong đám hiếu cho khắp họ hàng cũng như bà con láng giềng và bạn bè đã nói lên đầy đủ quan niệm ứng xử của người xưa, coi tất cả đều là anh em một nhà, đều được chia vui cũng như chia sẻ nỗi buồn như nhau. Một khi đã coi nhau như anh em thì cách đối xử phải dựa trên tình cảm, dù yêu hay ghét cũng đều theo suy nghĩ “chín bỏ làm mười” - yêu thì cho thêm một chút, ghét thì bỏ đi một chút, chứ không thẳng thừng “cạn tàu ráo máng” cho nên “*Yêu nhau cau sáu bỏ ba/Ghét nhau cau sáu bỏ ra làm mười*”. Cách ứng xử theo tình nghĩa này còn trải rộng đến khắp cả bà con trong làng, ngoài nước, nói chung về những người cùng một nòi giống, một dân

tộc, vì tất cả đều là anh em ruột thịt, cùng một bọc mẹ Âu Cơ sinh ra. Từ ngữ “đồng bào” đã giải thích trọn vẹn ý nghĩa này. Và theo thiên ý, đây chính là một truyền thống tốt đẹp nhất trong đời sống văn hóa dân tộc. Một truyền thống có giá trị tích cực, vĩnh cửu và phổ cập đến mọi tầng lớp trong xã hội. Đối với cha mẹ, qua miếng trầu, buồng cau người con gái tỏ được sự chăm sóc và lòng hiếu kính. Đối với người bạn trăm năm của những người phụ nữ xưa, công việc tằm trầu cho chồng xơi hàng ngày đã được xem là một bổn phận, trách nhiệm không thể thiếu của họ. Những ai biếng nhác tằm trầu để đến nỗi chồng thèm trầu phải đi nhờ cô bạn hàng xóm tằm “*Có trầu tằm cho anh một miếng/Anh có vợ nhà làm biếng không tằm*”. Khi người chồng có việc phải đi xa, bất kể vì công việc gì thì người vợ dù có bận đến đâu cũng cố gắng lo chăm sóc thật chu đáo những túi trầu hay gói trầu tằm sẵn cho chồng đem theo ăn đường. Như thế miếng trầu lúc này đã gói ghém, đã chuyên chở bao nhiêu tình cảm của người vợ dành cho chồng. Túi trầu/gói trầu đó sẽ nói dùm tình cảm của người vợ với chồng.

Trầu cau trong những câu ví, câu đố, ca dao, ngôn ngữ, tục ngữ dân gian

Một điều lí thú nữa về trầu cau đó là trong kho tàng ca dao, tục ngữ dân gian Việt có đến cả trăm câu ví, câu đố, ca dao, tục ngữ thật hay, có liên quan tới trầu cau. Điều này chứng tỏ, người bình dân xưa rất ưa ví von và trầu cau đã thực sự gắn bó thân thiết vào đời sống tâm tư của họ “*Trầu xanh, cau trắng, chay hồng/Vôi pha với nghia, thuốc nong với duyên*” hay “*Thương nhau hẹn lại năm sau/Cho trầu ra lộc, cho cau trở buồng*”. Trong đó tập trung nhất là những bài, những câu của trai gái nói, hát với nhau gọi là những câu hát trao duyên, câu hát mời trầu. Hát mời trầu có tới hàng trăm câu khác nhau nhưng câu nào cũng nói tới trầu, cau, vôi, vò hoặc nói về cái tài của người bỏ cau, tằm trầu. Câu hát mời trầu cũng là câu hát bày tỏ lòng mình. Bên cạnh những “vôi nong”, “miếng trầu cánh phượng”, “cau bỏ bốn bỏ ba”, là những “trầu giải yếm giải khăn”, “trầu loan, trầu phượng, trầu tôi trầu mình” là những “trầu tính trầu tình”, “trầu nhân, trầu ngãi”... để rồi thành “trầu mình lấy ta”, “trầu nên vợ nên chồng”.

Ngày nay xã hội Việt Nam đã quá đổi thay, một phần vì hoàn cảnh chiến tranh kéo dài hàng mấy thập niên, một phần do ảnh hưởng văn hóa phương Tây đưa tới... Nhiều thế hệ Việt Nam đã bắt đầu bỏ tục ăn trầu, người ta không còn coi miếng trầu là phương tiện giao tiếp hàng ngày nữa, giới trẻ cũng không còn mượn miếng trầu để tỏ tình, và nhiều gia đình cũng đã bỏ luôn tục lệ chia trầu cau trong những dịp lễ hội... Rồi đây hình ảnh thơ mộng của những giàn trầu, những hàng cau tất sẽ không còn pháp phối trên khắp các nẻo đường quê hương đất nước nữa song vẫn âm thầm nhớ, da diết nhớ cái duyên nghĩa trầu cau. Có lẽ, đó chính là cái duyên của sự chuyển hóa, biến điệu bởi vì nếu trầu, cau, vôi, vò... tất cả đứng riêng rẽ thì mỗi thứ chỉ là cây, lá, đá. Nhưng khi chúng hợp lại, hòa quyện, được ủ áp trong môi miệng của con người, thì tất cả bỗng biến đổi, trở nên đỏ tươi, đậm thắm, trở nên rực rỡ. Và trầu cau đã là nơi khởi đầu cho bao mối lương duyên. Vì thế, chút hương xưa, chút duyên thâm của nét văn hóa trầu cau vẫn còn đó - mạch ngầm tỏa lan trong dòng máu của mỗi người Việt Nam không dễ gì mai một ■

T.T.H